

## ~ 病毒性腸胃炎 Viêm dạ dày do virus~

預防病毒性腸胃炎，勿生飲生食，落實勤洗手的良好衛生習慣。

**Phòng ngừa virus viêm dạ dày, không ăn uống thức ăn sống, thực hiện tốt thói quen vệ sinh rửa tay thường xuyên.**

**什麼是病毒性腸胃炎？**

**Viêm dạ dày do virus là gì?**

1. 腸胃炎指的是胃、小腸或大腸的發炎，而病毒性腸胃炎可由許多不同種類的病毒(例如諾羅病毒、輪狀病毒、腺病毒等等)引起，會導致病患嘔吐或腹瀉。Viêm dạ dày nghĩa là viêm ở dạ dày, ruột non hoặc ruột già, viêm dạ dày do virus có thể do rất nhiều loại virus khác nhau (ví dụ virus Noro, siêu vi trùng Rota, virus cấp tính Andeno v.v...) gây ra, sẽ khiến cho người bệnh nôn ói hoặc tiêu chảy.
2. 病毒性腸胃炎普遍存在於世界各地，各年齡層和背景的人都可能感染，且每種病毒有其季節特性。例如：在台灣，諾羅病毒及輪狀病毒主要流行季節為11月到隔年3月間，而腺病毒一整年內都會發生。  
Viêm dạ dày do virus tồn tại phổ biến tại mọi nơi trên thế giới, ở mọi lứa tuổi của con người và bối cảnh đều có thể bị lây nhiễm, và mỗi một loại virus theo tính thời tiết của nó. Ví dụ: Ở Đài Loan, virus Noro và siêu vi trùng Rota mùa lưu hành chủ yếu là khoảng từ tháng 11 cho tới tháng 03 năm sau, còn virus cấp tính Andeno đều có thể phát sinh quanh năm.

**病毒性腸胃炎的感染途徑？**

**Các đường lây nhiễm của viêm dạ dày do virus?**

1. 人們可能感染的原因為食用受病毒汙染的食物或飲水；貝類也可能被污水汙染，如果生食或食用未煮熟受汙染的貝類(如牡蠣或蛤蜊等)，會導致腹瀉。Nguyên nhân mà mọi người có thể lây nhiễm là ăn thức ăn hoặc đồ uống ô nhiễm virus; loài có vỏ cũng có thể bị nước bẩn ô nhiễm, nếu ăn sống hoặc chưa nấu chín hoàn toàn loài có vỏ bị ô nhiễm (như sò hoặc ốc v.v...), thì sẽ dẫn đến tiêu chảy.
2. 與受感染的病人密切接觸也可能受到感染，例如：與病人分享食物、飲水與器皿；接觸到病人的嘔吐物、排泄物或病人曾接觸的物體表面。  
Tiếp xúc mật thiết với bệnh nhân nhiễm bệnh thì cũng có thể bị lây nhiễm, ví dụ: chia sẻ thức ăn, đồ uống và dụng cụ ăn với bệnh nhân; tiếp xúc với chất nôn ói, chất bài tiết của bệnh nhân hoặc các bề mặt đồ vật mà bệnh nhân từng tiếp xúc.
3. 吸入受感染的病人之嘔吐物、排泄物所產生的飛沫等等，皆有可能受到感染。Hít vào khí từ chất ói hoặc , chất bài tiết của bệnh nhân bị nhiễm bệnh, đều có thể bị lây nhiễm.